TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------o0o-------

Bản án số: 32/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 14/4/2023
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Đấu và bà Phan Kim Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 14/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 305/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27 ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1972; Nơi ĐKHKTT: khối 5, thị trấn M, huyện K, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: khối 7, phường L, thành phố V, tỉnh N; Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị T, sinh năm 1975; Nơi ĐKHKTT: khối 5, thị trấn M, huyện K, tỉnh N; Chỗ ở hiện nay: xóm T, xã H, thành phố V, tỉnh N; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của Ông Trần Ngọc H thì ông H và Bà Thái Thị T chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2001 có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông H và Bà T chung sống với nhau tại Khu tập thể bưu điện huyện K. Đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối 2015 thì ông H dọn ra ngoài ở, không còn ở chung. Hiện nay, ông H xét thấy không thể chung sống được với Bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông H và Bà T có 02 con chung là Trần Thị Yến H1, sinh ngày 28/05/2001 và Trần Ngọc H2, sinh ngày 13/01/2008. Nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông H đồng ý để Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc H2 và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Đối với con chung là Trần Thị Yến H1 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản: Ông H sẽ yêu cầu giải quyết phần tài sản chung bằng một vụ kiện khác nếu các bên không thỏa thuận được với nhau.

- Bà Thái Thị T trình bày: Bà T thừa nhận bà và ông H chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2001 có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới, cả hai chung sống với nhau tại Khu tập thể bưu điện huyện K. Đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối 2015 thì ông H dọn ra ngoài ở, không còn ở chung. Hiện nay, ông H xét thấy không thể chung sống được với Bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì Bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà T cũng thừa nhận ông H và Bà T có 02 con chung là Trần Thị Yến H1, sinh ngày 28/05/2001 và Trần Ngọc H2, sinh ngày 13/01/2008. Trong thời gian khoảng 02 năm trở lại đây thì cả 02 con chung đều ở với Bà T. Nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì Bà T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc H2 và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng. Đối với con chung là Trần Thị Yến H1 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản: Bà T sẽ yêu cầu giải quyết phần tài sản chung trong một vụ kiện khác nếu các bên không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: xử không công nhận quan hệ vợ chồng đối với Ông Trần Ngọc H và Bà Thái Thị T; Giao con chung là Trần Ngọc H2, sinh ngày 13/01/2008 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Ngọc H chung sống như vợ chồng với Bà Thái Thị T nhưng không đăng ký kết hôn. Nay, Ông Trần Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với Bà Thái Thị T. Bà T hiện đang cư trú tại thành phố Vinh nên Toà án nhân dân thành phố Vinh thụ lý để xem xét yêu cầu của đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, Ông Trần Ngọc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông H và Bà T chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2001 có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi tổ chức lễ cưới, ông H và Bà T chung sống với nhau tại Khu tập thể bưu điện huyện K. Đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối 2015 thì ông H dọn ra ngoài ở, không còn ở chung. Hiện nay, ông H xét thấy không thể chung sống được với Bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, căn cứ và các lời khai và sự thừa nhận của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định: Ông Trần Ngọc H và Bà Thái Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4 năm 2001 và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Hiện nay, tình cảm giữa hai người cũng đã không còn và đã không còn sống chung.

Theo quy định tại điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định: "…c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng; …"

Việc pháp luật không công nhận ông H và Bà T là vợ chồng nên hôn nhân giữa ông H và Bà T không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, ông H yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với với Bà T nên yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông H với Bà T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu của ông H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông H và Bà T có 02 con chung là Trần Thị Yến H1, sinh ngày 28/05/2001 và Trần Ngọc H2, sinh ngày 13/01/2008. Nếu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông H và Bà T thoả thuận giao cho Bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc H1, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng kể từ tháng 04 năm 2023 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Xét thấy, sự thoả thuận của ông H và Bà T là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con nên cần chấp nhận sự thoả thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con này.

Đối với con chung là Trần Thị Yến H1 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, ông H và Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên miễn xét.

[2.3]. Về tài sản: Ông H và Bà T đều thống nhất tự thoả thuận, nếu không thoả thuận được sẽ yêu cầu giải quyết phần tài sản chung trong một vụ kiện khác nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 53, 69, 81, 82, 83,110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 8 điều 28, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Trần Ngọc H với Bà Thái Thị T.

2. Về con chung: Giao cho Bà Thái Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc H1, sinh ngày 13/01/2008.

Ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (Trần Ngọc H1) cùng Bà Thái Thị T mỗi tháng 2.500.000(Hai triệu năm trăm ngàn) đồng kêt từ tháng 04/2023 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Buộc Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng(Được khấu trừ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo BL số 0010288 ngày 15/10/2022, còn phải nộp tiếp 300.000 đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Huy Long

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Vinh*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu*